

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRONG CÔNG TÁC GIẢNG DẠY TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG CÀ MAU

PHAN THẾ DANH*

TÓM TẮT

Bài viết đề cập thực trạng quản lý công tác giảng dạy tại Trường Cao đẳng Cộng đồng Cà Mau (CDCĐCM) về những nội dung như: quản lý kế hoạch, chương trình dạy học, quản lý việc phân công giảng dạy, quản lý việc thực hiện giảng dạy của giảng viên (GV). Nhìn chung, thực trạng công tác quản lý các nội dung trên chỉ ở mức trung bình. Để nâng cao hiệu quả công tác này trong thời gian tới, lãnh đạo trường cần có những giải pháp thiết thực hơn.

Từ khóa: quản lý công tác giảng dạy, Trường Cao đẳng Cộng đồng Cà Mau.

ABSTRACT

The reality of teaching and learning management in Ca Mau Community College

The paper presents the reality of teaching and learning management in Ca Mau Community College, including managing plan, academic programs, teaching assignment, management of teaching. In general, the management is at average level. In order to improve management efficiency, the school leaders need to have more practical solutions.

Keywords: teaching management, Ca Mau community college.

1. Đặt vấn đề

Trường cao đẳng cộng đồng (CDCĐ) ở Việt Nam ra đời phù hợp với chủ trương quy hoạch mạng lưới các trường đại học và cao đẳng (CĐ). Đây là loại hình đào tạo linh hoạt, mềm dẻo trên cơ sở nắm bắt các nhu cầu của cộng đồng để tổ chức các hình thức đào tạo phù hợp với người lao động, gắn đào tạo với việc sử dụng nguồn nhân lực thông qua cơ chế liên kết với nhà sử dụng trên địa bàn. Trường CDCĐ là cơ sở giáo dục công lập, đa ngành, đa hệ, đa cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân do địa phương đầu tư xây dựng, chịu trách nhiệm tổ chức và điều hành các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học nhằm phục vụ

nhân lực của địa phương ở trình độ CĐ và các trình độ thấp hơn.

Trường CDCĐCM được công bố thành lập ngày 26 tháng 4 năm 2008, tiền thân là Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Cà Mau với hoạt động chủ yếu là liên kết đào tạo nguồn nhân lực cho địa phương. Nay, trường thực hiện chức năng đào tạo của một trường CDCĐ, hoạt động dạy học (HDDH) là nhiệm vụ trọng tâm, quản lý HDDH là khâu then chốt trong hoạt động quản lý (HQQL) chung của trường. Trong những năm đầu thành lập, HDDH đã từng bước đi vào nền nếp và đạt được một số kết quả nhất định trong việc đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho địa phương. Việc đổi mới công tác quản lý theo chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo được

* HVCH, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

Hiệu trưởng tích cực triển khai thực hiện trong thời gian qua. Tuy nhiên, hoạt động đào tạo còn gặp không ít khó khăn, thách thức trong công tác quản lý HĐDH của các khoa, phòng, ban trực thuộc. HĐQL thiếu chặt chẽ, còn tập trung giải quyết tình huống, chưa xây dựng được kế hoạch quản lý dài hạn nên chưa giải quyết vấn đề một cách triệt để: Những nhận định ban đầu này là cơ sở nhằm trả lời cho câu hỏi về thực trạng việc quản lý công tác giảng dạy tại Trường ĐCĐHCM.

2. Nội dung

Khảo sát được thực hiện với 350 cán bộ quản lý (CBQL), GV và sinh viên (SV) đang học tập và công tác tại trường từ ngày 02-01-2012 đến ngày 31-3-2012). Số phiếu thu về là 335, chiếm tỉ lệ 96% tổng số phiếu phát ra. Mẫu phiếu trưng cầu ý kiến trên hai bình diện: Mức độ thực hiện và kết quả thực hiện về các vấn đề liên quan đến HĐDH và quản lý HĐDH. Kết quả khảo sát được trình bày sau đây:

2.1. Thực trạng việc quản lý kế hoạch, chương trình dạy học (xem bảng 1)

Bảng 1. Quản lý kế hoạch, chương trình dạy học

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		CBQL	GV	CBQL	GV
1	Xây dựng, ban hành kế hoạch dạy học theo thời gian (khóa/ năm/ học kì/ tháng/ tuần), từng chuyên ngành, từng môn học và từng cá nhân	2,70	3,03	2,80	2,43
2	Hướng dẫn kịp thời cho GV nắm vững mục tiêu, kế hoạch, chương trình dạy học	2,90	2,63	2,90	3,09
3	Kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch, chương trình định kì, đột xuất và tổng hợp, đánh giá rút kinh nghiệm	2,95	3,09	3,20	2,94
4	Có biện pháp và kịp thời xử lý GV thực hiện không đúng theo phân phối chương trình, kế hoạch dạy học	3,00	2,77	3,25	3,20
\bar{X} chung		2,89	2,88	3,04	2,92

Bảng 1 cho thấy CBQL và GV đều cho rằng công tác quản lý chương trình đào tạo, kế hoạch dạy học là cần thiết, được thực hiện thường xuyên (\bar{X} dao động từ 2,88 đến 2,89) và kết quả thực hiện khá (\bar{X} dao động từ 2,92 đến 3,04);

trong đó, CBQL đánh giá cao hơn GV và có sự chênh lệch khá cao giữa mức độ và kết quả thực hiện. Ở nội dung này, chúng tôi chỉ trưng cầu ý kiến của CBQL và GV hiện đang công tác tại trường, xét riêng từng bình diện như sau:

(i) Về mức độ thực hiện

Nội dung được đánh giá cao ở mức độ thực hiện là “kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch, chương trình định kì, đột xuất và tổng hợp, đánh giá rút kinh nghiệm” (\bar{X} dao động từ 2,95 đến 3,09). Ba nội dung được đánh giá thấp hơn về mức độ thực hiện là “có biện pháp và kịp thời xử lí GV thực hiện không đúng theo phân phối chương trình, kế hoạch dạy học” (\bar{X} dao động từ 2,77 đến 3,00), nội dung “xây dựng, ban hành kế hoạch dạy học theo thời gian (khóa/ năm/ học kì/ tháng/ tuần), từng chuyên ngành, từng môn học và từng cá nhân” (\bar{X} dao động từ 2,70 đến 3,03) và nội dung “Hướng dẫn kịp thời cho GV nắm vững mục tiêu, kế hoạch, chương trình dạy học” (\bar{X} dao động từ 2,63 đến 2,90).

Trong các nội dung quản lí việc thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học, GV đánh giá cao nội dung “kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch, chương trình định kì, đột xuất và tổng hợp, đánh giá rút kinh nghiệm” ($\bar{X} = 3,09$), trong khi đó CBQL đánh giá nội dung này thấp hơn ($\bar{X} = 2,95$). Tương tự, GV đánh giá cao nội dung “xây dựng, ban hành kế hoạch dạy học theo thời gian (khóa/ năm/ học kì/ tháng/ tuần), từng chuyên ngành, từng môn học và từng cá nhân” ($\bar{X} = 3,03$), còn CBQL đánh giá nội dung này thấp nhất ($\bar{X} = 2,70$) và các nội dung còn lại thì CBQL đánh giá cao hơn GV.

(ii) Về kết quả thực hiện

Nội dung được CBQL và GV tự đánh giá thực hiện có kết quả cao nhất là “có biện pháp và kịp thời xử lí GV thực hiện không đúng theo phân phối chương trình, kế hoạch dạy học” (\bar{X} dao động từ 3,20 đến 3,25) và nội dung được đánh giá thực hiện có kết quả thấp nhất là “xây dựng, ban hành kế hoạch dạy học theo thời gian (khóa/ năm/ học kì/ tháng/ tuần), từng chuyên ngành, từng môn học và từng cá nhân” (\bar{X} dao động từ 2,43 đến 2,80). Nội dung được CBQL đánh giá thực hiện cao hơn GV là “kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch, chương trình định kì, đột xuất và tổng hợp, đánh giá rút kinh nghiệm” ($\bar{X} = 3,20$, $\bar{X} = 2,94$). Còn nội dung GV đánh giá cao hơn CBQL là “hướng dẫn kịp thời cho GV nắm vững mục tiêu, kế hoạch, chương trình dạy học” ($\bar{X} = 3,09$, $\bar{X} = 2,90$).

Nhìn chung, CBQL đã tự đánh giá rằng mình thực hiện tương đối khá công tác “hướng dẫn kịp thời cho GV nắm vững mục tiêu, kế hoạch, chương trình dạy học”. Số liệu ở nhóm khách thể GV cũng cho thấy sự đồng tình với kết quả đã thực hiện. CBQL đã tự đánh giá thực hiện ở mức khá và được sự đồng tình của GV về nội dung công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch, chương trình định kì, đột xuất và tổng hợp, đánh giá rút kinh nghiệm; có biện pháp và kịp thời xử lí GV thực hiện không đúng theo phân phối chương trình, kế hoạch dạy học. Trong từng năm học, lãnh đạo các khoa, tổ trưởng bộ môn, cán

bộ thanh tra và đại diện ban thanh tra nhân dân thường xuyên phối hợp tổ chức thực hiện có hiệu quả mảng công tác này. Tuy nhiên, việc đánh giá rút kinh nghiệm thực hiện chưa thật sự tốt và hiện tượng GV dạy chưa đúng theo phân phối chương trình, đề cương chi tiết môn học chưa được kịp thời phát hiện và chấn chỉnh cũng là những tồn tại nhất định.

2.2. Thực trạng việc quản lý phân công giảng dạy

Công tác quản lý phân công giảng dạy ở Trường CĐCDTM được thực hiện như sau:

Đầu năm học, GV đăng kí giảng dạy theo mẫu và thời gian quy định của các khoa, tổ bộ môn.

Căn cứ danh sách đăng kí của GV, lãnh đạo khoa và tổ trưởng bộ môn tiến hành phân công giảng dạy. Việc phân công được quy định cụ thể cho từng đối tượng: GV, GV tham gia công tác quản lí, GV được điều động làm công tác hành chính, GV thỉnh giảng.

Trưởng khoa, tổ trưởng bộ môn trình Hiệu trưởng (Phó Hiệu trưởng chuyên môn) xem xét, quyết định.

Trong nội dung này, chúng tôi chỉ trưng cầu ý kiến của CBQL và GV hiện đang công tác tại trường, kết quả được thể hiện ở bảng 2 sau đây:

Bảng 2. Quản lý phân công giảng dạy

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		CBQL	GV	CBQL	GV
1	Nắm vững tình hình, đặc điểm của đội ngũ GV	2,95	3,00	3,15	3,03
2	Xác định các hình thức phân công (theo năng lực GV, yêu cầu và đặc điểm SV)	3,05	2,80	2,70	2,63
3	Xây dựng quy trình phân công GV	2,65	2,94	2,95	3,09
4	Thực hiện phân công theo quy trình xác định	3,15	2,91	3,00	2,77
5	Điều chỉnh phân công trong quy trình đào tạo	3,30	2,80	2,95	3,00
\bar{X}		3,02	2,89	2,95	2,90

Bảng 2 cho thấy, nội dung “nắm vững tình hình, đặc điểm của đội ngũ GV” được hầu hết CBQL, GV tự nhận mức độ thực hiện là thường xuyên (\bar{X} dao động từ 2,95 đến 3,00) và kết quả thực hiện khá (\bar{X} dao động từ 3,03 đến 3,15). Qua trao đổi, CBQL cho rằng

hiện tại số lượng GV chưa nhiều nên lãnh đạo trường rất sâu sát về điều kiện, hoàn cảnh và đặc điểm của từng GV. Nội dung “xác định các hình thức phân công (theo năng lực GV, yêu cầu và đặc điểm SV)” được CBQL đánh giá cao hơn GV về mức độ thực hiện (\bar{X} dao động từ 2,80

đến 3,05) lần kết quả thực hiện (\bar{X} dao động từ 2,63 đến 2,70). Điểm số này phản ánh đúng thực tế của trường, vì hiện nay, trường chỉ đào tạo SV chính quy nên giữa các SV có khá nhiều điểm tương đồng. Việc phân công theo năng lực của GV được lãnh đạo trường đặc biệt chú ý thông qua công tác đánh giá hàng năm. Tuy nhiên, do áp lực từ việc phân công giảng dạy đủ giờ chuẩn theo quy định hoặc thiếu GV nên đôi khi có sự phân công GV giảng dạy các môn gần với chuyên ngành mà GV được đào tạo. Điều này có thể ảnh hưởng đến chất lượng đầu ra theo cam kết, vì vậy lãnh đạo trường đã nghiêm túc khắc phục trong thời gian qua.

Nội dung “xây dựng quy trình phân công GV” được CBQL đánh giá thấp hơn GV về mức độ thực hiện (\bar{X} dao động từ 2,65 đến 2,94) và kết quả thực hiện (\bar{X} dao động từ 2,95 đến 3,09). Điểm số này phản ánh đúng thực tế, vì hầu hết GV cho rằng quy trình phân công được xây dựng chặt chẽ sẽ đảm bảo chất lượng giảng dạy, tính công bằng trong phân công, loại trừ được các trường hợp phân công không phù hợp với năng lực của GV. Nội dung “thực hiện phân công theo quy trình xác định” được CBQL đánh giá cao hơn GV cả về mức độ thực hiện (\bar{X} dao động từ 2,91 đến 3,15) và kết quả thực hiện (\bar{X} dao động từ 2,77 đến

3,00). CBQL khẳng định quy trình phân công được thực hiện nghiêm túc và cho rằng một số GV đăng kí giảng dạy chưa đúng trình độ, năng lực chuyên môn dẫn đến chưa thể phân công giảng dạy; một số GV vừa đăng kí giảng dạy nhiều môn vừa tham gia công tác quản lí nên cần có sự phân công hợp lí hơn; hoặc một số GV đăng kí giảng dạy vượt quá số giờ quy định cũng được điều chỉnh phù hợp. Nội dung “điều chỉnh phân công trong quy trình đào tạo” được CBQL đánh giá cao hơn GV về mức độ thực hiện (\bar{X} dao động từ 2,80 đến 3,30), còn về kết quả thực hiện thì GV đánh giá cao hơn CBQL (\bar{X} dao động từ 2,95 đến 3,00). Theo kế hoạch hàng năm, lãnh đạo trường chỉ đạo thực hiện công tác rà soát, điều chỉnh quy trình ISO và thực hiện công tác cải tiến chất lượng qua việc đánh giá trong theo bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục.

Nhìn chung, các đối tượng khảo sát đều cho rằng công tác quản lí phân công giảng dạy là cần thiết, được thực hiện thường xuyên (\bar{X} dao động từ 2,89 đến 3,02) và kết quả thực hiện khá (\bar{X} dao động từ 2,90 đến 2,95); trong đó, CBQL đánh giá cao hơn GV nội dung công tác này.

2.3. Thực trạng quản lí việc thực hiện giảng dạy (xem bảng 3)

Bảng 3. Quản lý việc thực hiện giảng dạy

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện			Kết quả thực hiện		
		CBQL	GV	SV	CBQL	GV	SV
1	Ban hành và phổ biến các quy chế, quy định, quy trình ISO có liên quan đến công tác giảng dạy cho GV và SV	3,00	2,77	2,89	3,25	3,20	3,21
2	Tổ chức cho GV khai thác và sử dụng cơ sở vật chất (CSVC), thiết bị dạy học hiện có	2,95	3,00	2,99	3,15	3,03	3,09
3	Tổ chức định kỳ và đột xuất dự giờ GV	3,05	2,80	2,87	2,70	2,63	2,69
4	Sau khi dự giờ có tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm về việc chuẩn bị và hoạt động giảng dạy (HĐGD) của GV	2,65	2,94		2,95	3,09	
5	Kiểm tra việc thực hiện thời khóa biểu và quy định báo nghỉ, báo dạy thay, dạy bù của GV	3,15	2,91		3,00	2,77	
6	Nắm bắt những phản ánh của SV về hoạt động trên lớp của GV để đề nghị GV điều chỉnh kịp thời	3,30	2,80	2,99	2,95	3,00	2,99
7	Định kỳ tổ chức lấy phiếu đánh giá của SV về HĐGD của GV	2,90	2,94	2,89	3,05	2,80	2,87
8	Thưởng, phạt kịp thời việc thực hiện quy chế giảng dạy của GV	2,90	2,86		2,65	2,94	
\bar{X}		2,99	2,88	2,93	2,96	2,93	2,97

Nội dung “ban hành và phổ biến các quy chế, quy định, quy trình ISO có liên quan đến công tác giảng dạy cho GV và SV” được CBQL, GV và SV đánh giá mức độ thực hiện là thường xuyên (\bar{X} dao động từ 2,77 đến 3,00) và kết

quả thực hiện là khá (\bar{X} dao động từ 3,20 đến 3,25). Kết quả trung cầu ý kiến sát với hoạt động thực tế của nhà trường. CBQL tự nhận mình đã làm khá và được GV, SV đồng tình về công tác ban hành và phổ biến đầy đủ đến GV và SV các quy chế, quy định về công tác giảng dạy.

Nội dung “tổ chức cho GV khai thác và sử dụng CSVC, thiết bị dạy học hiện có” được CBQL, GV và SV đánh giá mức độ thực hiện là thường xuyên (\bar{X} dao động từ 2,95 đến 3,00) và kết quả thực hiện là khá (\bar{X} dao động từ 3,03 đến 3,15). Hiện nay nhà trường đã lắp đặt các thiết bị dạy học ở tất cả các phòng học, giảng đường, phòng thực hành... rất tiện lợi cho GV khai thác và sử dụng. Bên cạnh đó, nhân viên quản lý CSVC, thiết bị dạy học thường xuyên hỗ trợ kỹ thuật nhằm đảm bảo giờ dạy của GV đạt hiệu quả cao nhất. Tuy nhiên, kinh phí hạn hẹp dẫn đến trì trệ trong thời gian dài về công tác sửa chữa, thay thế hoặc mua mới các thiết bị hư hỏng hoặc không đảm bảo về mặt kỹ thuật.

Nội dung “tổ chức định kỳ và đột xuất dự giờ GV” được CBQL, GV và SV đánh giá mức độ thực hiện là thường xuyên (\bar{X} dao động từ 2,80 đến 3,05) và kết quả thực hiện là khá (\bar{X} dao động từ 2,63 đến 2,70). Qua kết quả trưng cầu ý kiến thì đây là nội dung được đánh giá thấp nhất. Bên cạnh đó, CBQL tự nhận làm chưa tốt nhiệm vụ tổ chức định kỳ và đột xuất dự giờ GV nhằm nắm bắt những thông tin chính xác về mảng hoạt động độc lập của GV trên lớp. Kết quả đánh giá này được sự đồng tình cao của GV và SV. Thực tế, các khoa và tổ bộ môn có xây dựng kế hoạch dự giờ cho cả năm học, nhưng việc thực hiện chưa đạt hiệu quả cao. Vì chưa nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của công tác dự giờ nên hoạt động này còn mang tính hình thức và đặt nặng vấn đề thành tích, dẫn đến

che giấu những yếu kém và các lỗi cần khắc phục trong giảng dạy; chưa bố trí hợp lý việc dự giờ GV giỏi có nhiều kinh nghiệm để các GV trẻ có điều kiện học tập kinh nghiệm, điều chỉnh phương pháp giảng dạy cho phù hợp. Từ những đánh giá trên, chúng tôi nhận thấy rằng Trường CĐCDM cần quan tâm cải tiến hơn nữa công tác dự giờ, sao cho chất lượng chuyên môn của GV được nâng lên, giúp cho GV tự tin thể hiện hết năng lực chuyên môn của mình. Bên cạnh đó, CBQL cần thay đổi nhận thức về công tác dự giờ, như: không tập trung vào các sai sót để đánh giá thi đua hoặc làm ảnh hưởng đến uy tín của GV; không nên tạo sức ép không cần thiết trong đội ngũ GV, nhất là đối với lực lượng GV trẻ. Nội dung “sau khi dự giờ có tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm về việc chuẩn bị và HĐGD của GV” được CBQL, GV đánh giá mức độ thực hiện là thường xuyên (\bar{X} dao động từ 2,65 đến 2,94) và kết quả thực hiện là khá (\bar{X} dao động từ 2,95 đến 3,09). Kết quả trên chỉ đúng với thực tế về công tác chuẩn bị của GV, còn CBQL thì cho rằng mình làm công tác này chưa tốt (điểm đánh giá ở mức thấp). Điều này cho thấy việc dự giờ được thực hiện qua loa, mang nặng tính hình thức, chưa nghiêm túc đánh giá rút kinh nghiệm theo hướng phân tích nội dung, mức độ hiểu bài của SV. Để đổi mới phương pháp dạy học, dạy cách tự học, cách tự nghiên cứu và nâng cao tính sáng tạo, năng động, tự tin cho SV, chúng tôi nhận thấy lãnh đạo trường cần quan tâm xây dựng quy định, tiêu chí đánh giá cụ thể về công tác dự giờ để các khoa, tổ bộ

môn dựa vào đó thực hiện, cũng như để GV có thể thực hiện tốt HĐGD của mình.

Nội dung “kiểm tra việc thực hiện thời khóa biểu và quy định báo nghỉ, báo dạy thay, dạy bù của GV” được CBQL và GV đánh giá mức độ thực hiện là thường xuyên (\bar{X} dao động từ 2,91 đến 3,15), kết quả thực hiện là khá (\bar{X} dao động từ 2,77 đến 3,00); nội dung “thường, phạt kịp thời việc thực hiện quy chế giảng dạy của GV” được CBQL, GV đánh giá mức độ thực hiện là thường xuyên (\bar{X} dao động từ 2,86 đến 2,90) và kết quả thực hiện là khá (\bar{X} dao động từ 2,65 đến 2,94). Khi trao đổi về vấn đề này, CBQL và GV cho rằng việc duy trì công tác kiểm tra thường xuyên sẽ có tác dụng giúp GV đảm bảo được nền nếp dạy học, dạy đúng, đủ giờ, đủ bài. Nội dung “nắm bắt những phản ánh của SV về hoạt động trên lớp của GV để đề nghị GV điều chỉnh kịp thời” được CBQL, GV và SV đánh giá mức độ thực hiện là thường xuyên (\bar{X} dao động từ 2,80 đến 3,30), kết quả thực hiện là khá (\bar{X} dao động từ 2,95 đến 3,00); nội dung “định kỳ tổ chức lấy phiếu đánh giá của SV về HĐGD của GV” được CBQL, GV và SV đánh giá mức độ thực hiện là thường xuyên (\bar{X} dao động từ 2,89 đến 2,94) và kết quả thực hiện là khá (\bar{X} dao động từ 2,80 đến 3,05). Việc lấy thông tin phản

ánh của SV về hoạt động trên lớp của GV được thực hiện bởi: GV chủ nhiệm lớp, tổ trưởng bộ môn, lãnh đạo khoa, Ban Giám hiệu, cán bộ thanh tra giáo dục. Bên cạnh đó, có thể góp ý trực tiếp GV hoặc gửi vào hòm thư góp ý. Đối với tổ bộ môn, khoa thì SV có thể góp ý theo ca trực, Ban Giám hiệu và cán bộ thanh tra tiếp SV vào ngày thứ 6 hàng tuần. Thực tế, CBQL chưa tổ chức lấy ý kiến đánh giá GV từ SV thường xuyên hàng tháng, học kỳ, năm học, khóa học mà chỉ có một số CBQL hoặc GV thực hiện lấy ý kiến để phục vụ cho công tác báo cáo hoặc nghiên cứu khoa học.

3. Kết luận

Nhìn chung, CBQL tự đánh giá tương đối khá công tác ban hành, phổ biến, hướng dẫn kịp thời để GV hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy trên lớp, đảm bảo duy trì nền nếp dạy học, dạy đúng, dạy đủ và đảm bảo lịch trình, chương trình theo quy định. Bên cạnh đó, CBQL còn chưa làm tốt công tác nắm bắt phản ánh của SV, định kỳ tổ chức lấy phiếu đánh giá của SV về HĐGD của GV; tổ chức định kỳ và đột xuất dự giờ GV, đánh giá rút kinh nghiệm về công tác chuẩn bị và HĐGD của GV sau dự giờ. Như vậy, để nâng cao hiệu quả công tác quản lý việc thực hiện giảng dạy trong thời gian tới, lãnh đạo nhà trường cần có những giải pháp thiết thực hơn.

(Xem tiếp trang 102)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cà Mau (2010), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ XIV nhiệm kỳ 2010 – 2015*.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2001), *Quy chế tạm thời Trường Cao đẳng Cộng đồng*, Hà Nội.
3. Nguyễn Hữu Châu (2006), *Những vấn đề cơ bản về chương trình và quá trình dạy học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
4. Hoàng Thị Nhị Hà (2011), *Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ ở các trường đại học sư phạm*, Nxb Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Trần Bá Hoàn (2006), *Đổi mới phương pháp dạy học, chương trình và sách giáo khoa*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
6. California (2001), *Undergraduate Instruction and Faculty Teaching Activities 2001*.
7. Fred C. Lunenburg, Allan C. Ornstein (2008), *Educational Administration – concepts and Practices*, Thomson, United States of America.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 24-10-2012; ngày phản biện đánh giá: 26-11-2012;
ngày chấp nhận đăng: 25-12-2012)